

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
NĂM 2012

Tháng 1 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3,578,190,589,404	3,314,288,464,552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1,130,211,563,554	363,906,568,157
1. Tiền	111		424,644,407,241	291,890,033,431
2. Các khoản tương đương tiền	112		705,567,156,313	72,016,534,726
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18,376,791,095	19,046,791,095
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	49,900,000,000	50,570,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	7	(31,523,208,905)	(31,523,208,905)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,401,525,513,814	1,445,851,559,019
1. Phải thu khách hàng	131		1,058,739,057,951	963,101,500,297
2. Trả trước cho người bán	132		272,058,545,281	379,499,820,304
3. Các khoản phải thu khác	135		90,880,826,776	120,616,168,568
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(20,152,916,194)	(17,365,930,150)
IV. Hàng tồn kho	140	8	846,655,125,591	1,292,187,642,847
1. Hàng tồn kho	141		862,235,850,356	1,296,792,584,409
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15,580,724,765)	(4,604,941,562)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		181,421,595,350	193,295,903,434
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,400,557,454	1,135,688,705
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		172,195,337,932	186,412,211,162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		158,414,958	544,734,276
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,667,285,006	5,203,269,291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		623,400,736,086	796,074,171,452
I. Tài sản cố định	220		321,508,539,646	373,564,194,468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	163,681,024,308	230,752,533,102
- Nguyên giá	222		329,615,632,939	375,953,711,223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165,934,608,631)	(145,201,178,121)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	131,528,910,699	117,949,552,223
- Nguyên giá	228		133,973,379,796	119,718,885,796
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,444,469,097)	(1,769,333,573)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	26,298,604,639	24,862,109,143
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		37,611,862,007	156,394,879,631
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	35,611,862,007	44,394,879,631
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	14	2,000,000,000	112,000,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		264,280,334,433	266,115,097,353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	257,992,376,439	263,580,624,583
2. Tài sản dài hạn khác	268		6,287,957,994	2,534,472,770
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4,201,591,325,490	4,110,362,636,004

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,872,357,515,038	2,824,642,259,244
I. Nợ ngắn hạn	310		2,807,255,793,573	2,739,211,749,112
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1,417,918,025,303	1,389,250,865,571
2. Phải trả người bán	312		688,187,898,683	564,933,990,241
3. Người mua trả tiền trước	313		358,019,111,434	401,270,350,510
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	57,539,834,817	79,389,154,802
5. Phải trả người lao động	315		108,038,232,114	80,937,671,579
6. Chi phí phải trả	316		9,648,602,849	11,158,612,125
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		98,410,433,485	155,904,713,043
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		69,493,654,888	56,366,391,241
II. Nợ dài hạn	330		65,101,721,465	85,430,510,132
1. Phải trả dài hạn khác	333		36,663,518,914	36,518,044,319
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	-	45,674,675,266
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	3,237,790,547
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		28,438,202,551	-
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1,240,229,827,228	1,212,217,645,078
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,240,229,827,228	1,212,217,645,078
1. Vốn điều lệ	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128,358,940,301	128,358,940,301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		42,911,059,832	33,678,648,352
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,150,605,990)	(9,150,605,990)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	17,626,480,239
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		95,001,897,917	68,669,949,370
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		580,799,271	839,728,344
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		284,107,735,897	273,774,504,462
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	20	89,003,983,224	73,502,731,682
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		4,201,591,325,490	4,110,362,636,004

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2012	31/12/2011
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	984,907,919
2. Ngoại tệ các loại			
- USD		2,435,478.13	501,298.86
- EUR		104.54	-
- GBP		205.39	-

TP HCM, ngày 31 tháng 1 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





CAO THANH HÙNG

ĐÀO VĂN ĐẠI

PHÙNG TUẤN HÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/12 đến 31/12/12

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế		Quý 4		Lũy kế	
			Năm 2012		Năm 2012		Năm 2011		Năm 2011	
										MẪU SỐ B 02-DN/HN Đơn vị: VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,615,665,284,295		10,457,669,290,722		2,953,293,592,168		10,655,420,376,827	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		89,412,168,833		296,972,556,721		135,046,673,360		334,750,565,520	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2,526,253,115,462		10,160,696,734,001		2,818,246,918,808		10,320,669,811,307	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		2,299,201,623,788		9,351,159,571,723		2,579,874,982,674		9,321,311,801,799	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		227,051,491,674		809,537,162,278		238,371,936,134		999,358,009,508	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	43,257,179,731		80,368,422,599		37,885,898,866		91,153,329,969	
7. Chi phí tài chính	22	22	39,893,077,136		139,631,817,002		70,086,368,251		308,245,976,232	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21,764,361,780		104,178,005,504		45,190,564,591		157,036,923,986	
8. Chi phí bán hàng	24		78,625,608,882		261,252,905,612		71,787,484,900		238,149,272,889	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		67,483,732,210		211,778,057,853		62,352,361,689		226,464,439,205	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		84,306,253,177		277,242,804,410		72,031,620,160		317,651,651,151	
11. Thu nhập khác	31		11,338,819,559		50,158,969,551		14,556,483,202		113,447,626,141	
12. Chi phí khác	32		10,942,797,239		22,444,724,116		20,236,404,551		28,279,228,516	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		396,022,320		27,714,245,435		(5,679,921,349)		85,168,397,625	
14. Lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		619,176,345		2,362,998,920		2,504,357,271		3,905,209,555	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		85,321,451,842		307,320,048,765		68,856,056,082		406,725,258,331	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	27,705,962,484		91,042,152,137		23,228,490,177		101,716,691,368	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		-		-		12,200,968,137	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		57,615,489,358		216,277,896,628		45,627,565,905		292,807,598,826	
Trong đó:										
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		23,450,899,798		39,351,936,147		116,175,291		7,410,708,848	
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty	62		34,164,589,560		176,925,960,481		45,511,390,614		285,396,889,978	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	495		2,562		664		4,113	

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP HCM, ngày 31 tháng 1 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY

CỔ PHẦN

DỊCH VỤ

TỔNG HỢP

DẦU KHÍ

QUẬN 1 TP. HỒ

CHÍ MINH

Việt Nam

ĐẠI

ĐẠI

ĐẠI

ĐẠI

CAO THANH HÙNG

ĐÀO VĂN ĐẠI

PHÙNG TUẤN HÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/12 đến 31/12/12

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

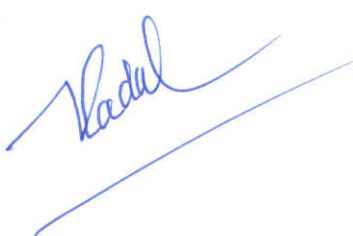
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	307,320,048,765	406,725,258,331
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	33,999,087,493	32,803,438,634
Các khoản dự phòng	03	13,762,769,247	(9,620,349,275)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(38,498,697,605)	(48,852,654,927)
Chi phí lãi vay	06	104,178,005,504	157,036,923,986
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	420,761,213,404	538,092,616,749
Biến động các khoản phải thu	09	37,785,573,937	(140,237,561,578)
Biến động hàng tồn kho	10	434,556,734,053	307,718,039,875
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	72,828,568,747	(32,646,746,486)
Biến động chi phí trả trước	12	17,462,556,228	33,486,450,756
Tiền lãi vay đã trả	13	(104,178,005,504)	(153,099,764,196)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(81,601,676,640)	(132,017,909,433)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,562,656,590	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(33,216,354,593)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	768,961,266,222	421,295,125,687
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15,927,139,966)	(88,286,333,560)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	610,203,157	2,588,671,061
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20,691,982,376)	(20,069,879,631)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	140,145,000,000	31,193,000,000
6. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	39,073,436,483	48,852,654,927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	143,209,517,298	(25,721,887,203)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(6,338,605,990)
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4,630,476,052,124	4,970,603,563,819
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,652,046,224,247)	(5,399,723,375,741)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(124,295,616,000)	(111,297,279,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(145,865,788,124)	(546,755,697,312)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	766,304,995,397	(151,182,458,828)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	363,906,568,157	533,465,818,080
Ảnh hưởng khác			(18,376,791,095)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1,130,211,563,554	363,906,568,157

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 31 tháng 1 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 13 số 0300452060 ngày 27 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.682 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.487).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịchữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 01 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn, dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-DVTHDK-ĐHCD ngày 10 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2,761,669,202	8,762,135,118
Tiền gửi ngân hàng	421,882,738,039	283,127,898,313
Các khoản tương đương tiền	705,567,156,313	72,016,534,726
	<u>1,130,211,563,554</u>	<u>363,906,568,157</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí (i)	39,500,000,000	39,500,000,000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	10,400,000,000	10,400,000,000
Dầu khí (i)	-	670,000,000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
	<u>49,900,000,000</u>	<u>50,570,000,000</u>

(i) Theo Quyết định số 313/QĐ-DVTHDK-HĐQT và 314/ QĐ-DVTHDK-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty quyết định sẽ giải thể Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí ("Petrosetco Trading") và Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("Petrosetco Sài Gòn") kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012. Theo đó, giá trị đầu tư vào Petrosetco Trading và Petrosetco Sài Gòn sẽ trình bày tại khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" - mã số 121 thay vì khoản mục "Đầu tư vào công ty con" - mã số 251 trên Bảng cân đối kế toán.

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	29,882,192,415	29,882,192,415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	1,641,016,490	1,641,016,490
Dầu khí	-	-
	<u>31,523,208,905</u>	<u>31,523,208,905</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8,419,894,788	129,123,041,825
Nguyên liệu, vật liệu	14,949,014,186	6,794,526,302
Công cụ, dụng cụ	1,713,304,974	1,061,467,761
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	92,069,432
Thành phẩm	129,849,756	161,143,651
Hàng hoá	721,417,544,675	1,117,998,968,164
Hàng gửi bán	115,606,241,977	41,561,367,274
Cộng	862,235,850,356	1,296,792,584,409
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15,580,724,765)	(4,604,941,562)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	846,655,125,591	1,292,187,642,847

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	176,099,417,727	99,219,380,371	83,835,091,765	14,564,292,350	2,235,529,010	375,953,711,223
Mua trong kỳ	682,261,487	6,450,540,181	6,615,080,926	2,113,257,372	66,000,000	15,927,139,966
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7,580,000,000	46,686,818	-	-	-	7,626,686,818
Phân loại lại	2,789,194,311	(2,428,252,459)	1,118,440,281	329,428,380	(1,808,810,513)	-
Thanh lý	-	(376,368,295)	(4,931,758,716)	(913,397,858)	(57,358,182)	(6,278,883,051)
Giảm tài sản tại PSP	(29,969,274,116)	(24,955,922,785)	(2,399,990,326)	(256,266,911)	-	(57,581,454,138)
Tăng khác	4,328,774,751	70,682,000	1,080,785,474	967,065,205	11,716,983,800	18,164,291,230
Giảm khác	(20,912,795,965)	(2,792,070,181)	(228,000,000)	(262,992,963)	-	(24,195,859,109)
Tại ngày 31/12/2012	140,597,578,195	75,234,675,650	85,089,649,404	16,541,385,575	12,152,344,115	329,615,632,939
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	51,285,215,080	40,724,308,999	43,396,017,198	9,663,655,743	131,981,101	145,201,178,121
Khấu hao trong kỳ	7,367,444,392	9,664,371,766	12,692,885,639	3,098,418,156	470,871,926	33,293,991,879
Phân loại lại	(62,327,361)	(151,495,284)	281,186,015	(158,589,502)	91,226,132	-
Thanh lý	-	(338,847,112)	(3,783,759,240)	(884,016,392)	(57,358,182)	(5,063,980,926)
Giảm tài sản tại PSP	(418,527,302)	(628,778,400)	(180,026,154)	(55,380,752)	-	(1,282,712,608)
Tăng khác	3,536,560,780	62,825,055	1,080,785,474	922,956,474	59,421,788	5,662,549,571
Giảm khác	(11,012,143,298)	(516,175,256)	(228,000,000)	(120,098,852)	-	(11,876,417,406)
Tại ngày 31/12/2012	50,696,222,291	48,816,209,768	53,259,088,932	12,466,944,875	696,142,765	165,934,608,631
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	89,901,355,904	26,418,465,882	31,830,560,472	4,074,440,700	11,456,201,350	163,681,024,308
Tại ngày 31/12/2011	124,814,202,647	58,495,071,372	40,439,074,567	4,900,636,607	2,103,547,909	230,752,533,102

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 36.869.589.385 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 23.987.472.521 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	117,531,740,646	2,187,145,150	119,718,885,796
Tăng trong kỳ	13,933,200,000	352,739,000	14,285,939,000
Giảm trong kỳ		(31,445,000)	(31,445,000)
Tại ngày 31/12/2012	131,464,940,646	2,508,439,150	133,973,379,796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	283,000,940	1,486,332,633	1,769,333,573
Khấu hao trong kỳ	206,208,400	498,887,214	705,095,614
Thanh lý		(29,960,090)	(29,960,090)
Tại ngày 31/12/2012	489,209,340	1,955,259,757	2,444,469,097
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	130,975,731,306	553,179,393	131,528,910,699
Tại ngày 31/12/2011	117,248,739,706	700,812,517	117,949,552,223

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26,298,604,639	24,862,109,143
<i>Trong đó một số công trình lớn:</i>		
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	9,226,692,045	12,026,732,325
Dự án Petrosetco Tower Thanh Đa	16,349,341,923	11,581,791,655
	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Số dư đầu kỳ	24,862,109,143	7,714,274,339
Tăng trong kỳ	9,094,516,314	92,349,875,597
Kết chuyển sang tài sản cố định	7,580,000,000	70,018,647,358
Giảm khác	78,020,818	5,183,393,435
Số dư cuối kỳ/năm	26,298,604,639	24,862,109,143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	94.67%	94.67%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	100.00%	100.00%	Thương mại, dịch vụ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	100.00%	100.00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70.00%	70.00%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	89.00%	89.00%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	88.20%	88.20%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51.00%	51.00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	50.00%	50.00%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	18,410,012,180	18,896,654,390
Công ty TNHH Dịch vụ Giáo dục Dầu khí Dreamhouse	-	245,000,000
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	-	7,500,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lộc Việt	-	2,000,000,000
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	17,201,849,826	15,753,225,241
	35,611,862,007	44,394,879,631

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012	31/12/2011
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung	2,000,000,000	112,000,000,000
	2,000,000,000	112,000,000,000

Tổng Công ty thực hiện thoái vốn theo Nghị quyết số 6481/NQ-DKVN ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thông qua chủ trương để Tổng Công ty chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	168,314,405,579	176,592,976,755
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (ii)	36,147,712,963	43,992,351,756
Chi phí trả trước dài hạn khác	53,530,257,897	42,995,296,072
	257,992,376,439	263,580,624,583

(i) Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

(ii) Khi thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đối với Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA), Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (Petrosetco Vũng Tàu) và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (PSMT), khoản lợi thể kinh doanh phát sinh với số tiền tương ứng là 6.006.130.380 VND, 12.595.093.168 VND và 33.235.767.000 VND. Tổng Công ty phản ánh giá trị lợi thể kinh doanh này trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” và thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian tương ứng là 3 năm, 5 năm và 10 năm.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	528,861,786,448	109,788,178,530
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	6,093,868,039
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	68,196,459,109	11,438,203,813
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	-	44,989,488,585
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	69,099,000	387,719,874,292
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	127,505,691,581	303,981,477,480
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	388,125,455,626	334,040,954,452
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	305,159,533,539	121,720,602,380
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	-	58,511,267,281
Vay dài hạn đến hạn trả	-	10,966,950,719
	1,417,918,025,303	1,389,250,865,571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	49,726,604,510	893,721,310,513	922,338,560,513	21,109,354,510
Thuế xuất nhập khẩu	4,407,733,535	4,817,787,846	8,924,449,923	301,071,458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23,333,767,129	91,957,712,612	81,601,676,640	33,689,803,101
Thuế thu nhập cá nhân	1,918,049,628	30,387,249,948	29,865,693,828	2,439,605,748
Các loại thuế khác	3,000,000	3,367,325,914	3,370,325,914	-
	79,389,154,802	1,024,251,386,833	1,046,100,706,818	57,539,834,817

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	11,348,670,555
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận (i)	-	5,434,184,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu (ii)	-	28,891,820,711
	-	45,674,675,266

(i) Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Đến 31/12/12, Tổng Công ty đã thanh toán hết khoản vay này.

(iii) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam -PSP (công ty con của Tổng Công ty) ký Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian (20% tại ngày 31 tháng 12 năm 2011) và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí sử dụng toàn bộ giá trị tài sản được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này. Đến thời điểm 31/12/2012, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại PSP nên khoản vay này không hạch toán vào báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, toà nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	21,405,058,462	(2,812,000,000)	33,492,226,543	43,423,817,614	1,027,448,705	180,099,117,674	1,103,414,609,299
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	285,396,889,978	285,396,889,978
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(111,297,279,400)	(111,297,279,400)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6,338,605,990)	-	-	-	-	(6,338,605,990)
(Lỗ) từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(887,590,039)	(887,590,039)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	(33,492,226,543)	-	-	-	(33,492,226,543)
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	17,626,480,239	-	-	-	17,626,480,239
Tạm phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	12,303,376,214	-	-	23,994,781,302	-	(72,852,131,523)	(36,553,974,007)
Tạm phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	(29,786,324)	-	-	-	(187,720,361)	(6,303,416,935)	(5,269,573,166)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(381,085,294)	(381,085,294)
Số dư tại ngày 31/12/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	33,678,648,352	(9,150,605,990)	17,626,480,239	68,669,949,370	839,728,344	273,774,504,461	1,212,217,645,078
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	216,277,896,628	216,277,896,628
Chia cổ tức trong kỳ (i)	-	-	-	-	-	-	-	(124,295,616,000)	(124,295,616,000)
Lãi từ công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	9,232,411,480	-	-	29,030,592,108	-	(63,475,374,542)	(25,212,370,954)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(17,626,480,239)	-	-	-	(17,626,480,239)
Hoàn nhập chênh lệch tỉ giá	-	-	-	-	-	-	-	(2,818,809,400)	(5,776,382,034)
Tách cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(2,698,643,561)	(258,929,073)	(23,187,398,027)	(23,187,398,027)
Tạm phân phối lợi nhuận tại các cty con	-	-	-	-	-	-	-	4,880,773,119	4,880,773,119
Khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2012	698,420,000,000	128,358,940,301	42,911,059,832	(9,150,605,990)	-	95,001,897,917	580,799,271	284,107,735,897	1,240,229,827,228

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo Giấy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 13 số 0300452060 ngày 27 tháng 11 năm 2012, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số tiền (VND)	%	Số tiền (VND)	%
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246,092,850,000	35.24	246,092,850,000	35.24
Các cổ đông khác	452,327,150,000	64.76	452,327,150,000	64.76
	698,420,000,000	100	698,420,000,000	100

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Vốn điều lệ	80,033,000,000	67,333,432,000
Quỹ đầu tư phát triển	2,579,585,672	578,562,453
Quỹ dự phòng tài chính	185,640,994	187,720,361
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	182,873,182
Lợi nhuận chưa phân phối	6,205,756,558	5,220,143,686
	89,003,983,224	73,502,731,682

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39,073,436,483	46,174,622,248
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29,249,108,737	15,308,718,865
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2,678,032,679
Lãi bán ngoại tệ	-	1,030,901,509
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	1,318,764,570	20,600,000,000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,663,255,414	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9,063,857,395	5,361,054,668
	80,368,422,599	91,153,329,969

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	104,178,005,504	157,036,923,986
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25,062,371,350	132,199,105,653
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	550,381,109	-
Chi phí tài chính khác	9,841,059,039	19,009,946,593
	139,631,817,002	308,245,976,232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	307,320,048,765	406,725,258,331
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>57,053,407,539</i>	<i>35,726,481,983</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	57,053,407,539	30,185,264,507
- Lỗ không tính thuế	-	5,541,217,476
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(204,847,756)</i>	<i>(4,431,442,462)</i>
- Chuyển lỗ các năm trước	(204,847,756)	(4,431,442,462)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	364,168,608,548	438,020,297,852
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%</i>	<i>-</i>	<i>46,634,033,983</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>364,168,608,548</i>	<i>391,386,263,869</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước</i>	<i>-</i>	<i>(1,959,128,847)</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	91,042,152,137	101,716,691,368
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong kỳ	91,042,152,137	101,716,691,368

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	216,277,896,628	292,807,598,826
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	176,925,960,481	285,396,889,978
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	69,053,120	69,488,882
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,562	4,107

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	22,579,044,449	15,928,147,163
Các đơn vị thành viên PetroVietnam	1,031,309,286,325	1,185,569,833,898
Bán hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	109,360,201,709	102,560,350,951
Các đơn vị thành viên PetroVietnam	813,690,030,966	624,465,768,284
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	500,000,000,000	700,000,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - hoàn trả nợ vay	500,000,000,000	700,000,000,000
Các nghiệp vụ khác		
Cổ tức phát sinh với Tập đoàn Dầu Khí	44,296,713,000	39,374,856,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, bảng kết quả kinh doanh hợp nhất, bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Deloitte.

NGƯỜI LẬP BIỂU



CAO THANH HÙNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 31 tháng 1 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

Thực hiện theo thông tư 52/2012/TT-BTC, Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PETROSETCO) giải trình biến động kết quả kinh doanh năm 2012 so với cùng kỳ năm 2011 như sau:

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của PETROSETCO trong năm 2012 đạt được gần 10.458 tỷ đồng, giảm 198 tỷ đồng tương đương giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2011. Lợi nhuận thuần trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2012 đạt lần lượt là 307 tỷ đồng và 216 tỷ đồng, tương đương giảm 24% và 26% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2012 của PETROSETCO vẫn giữ được mức ổn định như năm 2011, tuy nhiên vì các lý do chủ yếu sau khiến cho lợi nhuận của Tổng công ty giảm đáng kể so với năm 2011:

- Trong năm 2011, PETROSET đã tiến hành cổ phần một số công ty con và thu về được gần 80 tỷ đồng khi đánh giá lại tài sản.
- Trong năm 2011, PETROSETCO cũng đã bán cổ phần của một công ty con là PSD và thu về 20 tỷ đồng.

TP HCM, ngày 31 tháng 1 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TRƯỞNG BAN TC-KT



ĐÀO VĂN ĐẠI